

Số: 482/TTTr-UBND

TP. Tây Ninh, ngày 07 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua danh mục thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm
(giai đoạn 2021-2025) nguồn vốn ngân sách Thành phố và ngân sách Tỉnh hỗ trợ
có mục tiêu cho Thành phố.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị Quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Tây Ninh về quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Năm 2021 là năm đầu triển khai thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, thực hiện theo quy định tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị định hướng dẫn.

Xây dựng và ban hành Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo hướng thực hiện giải pháp đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhất là hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật đô thị, các trục giao thông chính, giao thông kết nối theo tiêu chí đô thị loại 2, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2021-2025 và khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

UBND Thành phố căn cứ vào nhu cầu và nguồn vốn để xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm (giai đoạn 2021-2025) nguồn vốn ngân sách Thành phố và ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho Thành phố là: 1.549,250 tỷ đồng (Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu: 474,250 tỷ đồng và Ngân sách Thành phố: 1.075,000 tỷ đồng) cụ thể như sau:

1. Ngân sách Thành phố: 1.075,000 tỷ đồng, bao gồm:

a) Nguồn cân đối ngân sách: 200,000 tỷ đồng;

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất Thành phố: 645,000 tỷ đồng;

c) Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách Thành phố năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 230 tỷ đồng.

(Danh mục chi tiết kèm theo phụ lục số 01)

2. Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu: 474,250 tỷ đồng, bao gồm:

- a) Xây dựng nông thôn mới: 44,250 tỷ đồng;
- b) Phát triển Thành phố: 280,000 tỷ đồng;
- c) Hỗ trợ khác: 150,000 tỷ đồng.

(Danh mục kèm theo phụ lục số 02, 03)

UBND Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố Tây Ninh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 03 xem xét Quyết định./.

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Thị Hoàng Oanh

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nguồn vốn ngân sách Thành phố

(Kèm theo Tờ trình số 489/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
1	2	3	4	5	6	6	7	8	9	10	11		13	14
	TỔNG CỘNG (A + B)					2.156.252	2.156.252	28.332	28.332	1.075.000		251.640		
A	NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ					1.244.489	1.244.489	28.332	28.332	845.000				
I	NGÀNH GIÁO DỤC					29.557	29.557			16.427				
1	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025													
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025													
2.1	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.					29.557	29.557			16.427				
1	Trường TH Bùi Thị Xuân	Phường 1	Cải tạo, Sửa chữa	2021-2023	1097/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.228	6.228			685			BQLDA ĐTXD TP	
2	Trường tiểu học Nguyễn Du	Ninh Sơn	Duy trì trường CQG	2021-2023	1039/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	8.636	8.636			2.196			BQLDA ĐTXD TP	TP+HTMT
3	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Bình Minh	Duy trì trường CQG	2021-2022	281/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	1.997	1.997			1.800			BQLDA ĐTXD TP	
4	Trường MN Rạng Đông	Phường 2	Duy trì trường CQG	2021-2022	807/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	873	873			700			BQLDA ĐTXD TP	
5	Cải tạo sân nền trường TH Võ Thị Sáu	Phường 3	Cải tạo	2022-2024	548/QĐ-UBND ngày 17/6/2021	997	997			900			BQLDA ĐTXD TP	
6	Cải tạo và xử lý ngập úng sân nền Trường THCS Phan Bội Châu	Phường 1	Cải tạo	2022-2024	96/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1.495	1.495			1.200			BQLDA ĐTXD TP	
7	Các khu vệ sinh thông minh Trường TH Kim Đồng	Phường 2	Cải tạo, sửa chữa nhà WC Thông minh	2022-2024	103/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 1118/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	3.685	3.685			3.300			BQLDA ĐTXD TP	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
8	Cải tạo, sửa chữa các trường trên địa bàn TP	Thành phố	Cải tạo, sửa chữa	2021		5.646	5.646			5.646			BQLDA ĐTXD TP	
II	TRỤ SỞ CƠ CÁN CÁC CƠ QUAN					31.429	31.429			27.984				
1	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025													
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					31.429	31.429			27.984				
2.1	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.					31.429	31.429			27.984				
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Hội trường Thành phố (Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố cũ) và Nhà ăn, sân vườn trụ sở Thành ủy.	Phường 3	Cải tạo, sửa chữa	2021-2022	286/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	6.229	6.229			5.700			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
2	Cải tạo, nâng cấp BQL khu phố 1, phường 2	Phường 2	Cải tạo, nâng cấp	2021	213/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	665	665			550			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
3	Cải tạo, sửa chữa BQL khu phố 2, 3 phường 2	Phường 2	Cải tạo, sửa chữa	2021	221/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	600	600			584			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
4	Sửa chữa trụ sở Khối vận, các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy	Phường 3	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	14/QĐ-UBND ngày 02/2/2021; 572/QĐ-UBND ngày 02/2/2021	2.300	2.300			2.000			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
5	Văn phòng làm việc khu phố 3 (Đường Lê Lợi)	Phường 3	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	162/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	1.174	1.174			1.000			BQLDA ĐTXD TP	
6	Nhà kho lưu trữ Ban Dân vận thành ủy	Phường 3	Xây mới	2022-2024	231/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	700	700			600			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
7	Sửa chữa trụ sở Hội khuyến học Thành phố	Phường 2	Sửa chữa	2022-2024	95/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	536	536			450			BQLDA ĐTXD TP	
8	Sửa chữa trụ sở UBND Thành phố	Phường 1	sửa chữa	2022-2024	202/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	14.883	14.883			13.400			BQLDA ĐTXD TP	
9	Sửa chữa khu hành chính Thành phố	Phường 3	sửa chữa	2022-2024	538/QĐ-UBND ngày 17/6/2021	1.342	1.342			1.200			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
10	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	169/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	3.000	3.000			2.500			BQLDA ĐTXD TP	
III	NGÀNH GIAO THÔNG					698.189	698.189	28.332	28.332	359.594				
1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020					45.810	45.810	28.332	28.332	7.486				
1	Hẻm 17, 29, 30, 33, 35 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Hiệp Ninh	Hiệp Ninh	2,421 Km Láng nhựa	2020-2021	1524/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.994	9.994	4.700	4.700	2.500			BQLDA ĐTXD TP	
2	Đường số 2, 2B, Phạm Tung, kp5, Phường 3	Phường 3	0,414 Km BTNN	2020-2021	1490/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.222	5.222	3.922	3.922	631			BQLDA ĐTXD TP	Đã bàn giao

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
3	Đường số 3, Phường 3	Phường 3	684,3m BTN	2020-2021	1489/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.077	9.077	6.450	6.450	519			BQLDA ĐTXD TP	Đã bàn giao
4	Hẻm 1 - 2 Trường Chinh, phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	0,401 km Láng nhựa	2020-2021	1527/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.750	4.750	2.060	2.060	1.300			BQLDA ĐTXD TP	
5	Đường G, H, Kp5, phường 3	Phường 3	399,7m BTN	2020-2021	1484/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.519	3.519	2.600	2.600	200			BQLDA ĐTXD TP	Đã bàn giao
6	Đường số 5, Kp5, phường 3	Phường 3	492,9m BTN	2020-2021	1486/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.447	5.447	4.100	4.100	408			BQLDA ĐTXD TP	Đã bàn giao
7	Nâng cấp đường E , KP5, P3, TPTN	Phường 3	340m BTN	2020-2021	1488/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	7.801	7.801	4.500	4.500	1.928			BQLDA ĐTXD TP	Chờ nghiệm thu
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					652.379	652.379			352.108				
2.1	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.					652.379	652.379			352.108				
1	Hẻm 7, đường số 30 ấp Bình Trung, xã Bình Minh	Bình Minh	117m BTXM	2021-2022	1107/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	215	215			196			BQLDA ĐTXD TP	
2	Đường tổ 1 đường Trần Văn Trà ấp Bàu Lùn xã Bình Minh	Bình Minh	88m BTXM	2021-2022	1108/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	188	188			171			BQLDA ĐTXD TP	
3	Hẻm 21, đường số 31 ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh	Bình Minh	718m láng nhựa	2021-2022	1109/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.811	1.811			1.550			BQLDA ĐTXD TP	
4	Đường Tổ 3-1 của đường số 23, ấp Giồng cà, xã Bình Minh	Bình Minh	371m CP đá dăm	2021-2022	1110/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	434	434			338			BQLDA ĐTXD TP	
5	Đường Tổ 2-1 của đường số 23, ấp Giồng Cà, xã Bình Minh	Bình Minh	376m CP đá dăm	2021-2022	1111/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	369	369			330			BQLDA ĐTXD TP	
6	Hệ thống thoát nước đường 785-Giồng Cà, xã Bình Minh	Bình Minh	1342m mương + cống	2021-2022	1112/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	8.667	8.667			7.200			BQLDA ĐTXD TP	
7	Nâng cấp đường số 15 Trần Văn Trà, ấp Giồng Tre, xã Bình Minh	Bình Minh	1339 láng nhựa	2021-2022	1113/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.039	2.039			1.750			BQLDA ĐTXD TP	
8	Đường tổ 6 nối dài ấp Giồng Tre, xã Bình Minh	Bình Minh	533 láng nhựa	2021-2022	1114/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.098	1.098			979			BQLDA ĐTXD TP	
9	Cầu sắt ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh	Bình Minh	cầu chính 19,3m	2021-2022	1115/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.775	3.775			3.100			BQLDA ĐTXD TP	
10	Đường nhánh trái tổ 35 Tân Trung, xã Tân Bình	Tân Bình	740m sỏi đỏ	2021-2022	1095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.000	1.000			830			BQLDA ĐTXD TP	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
11	Hẻm 13, 15 đường Thuyền	Hiệp Ninh	300m láng nhựa	2021-2022	1099/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.706	3.706			3.200			BQLDA ĐTXD TP	
12	Hẻm 1, 9 đường Điện Biên Phủ	Hiệp Ninh	393,49m BTXM+LN	2021-2022	1101/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.872	1.872			1.600			BQLDA ĐTXD TP	
13	Hẻm 7, 13 đường Điện Biên Phủ	Hiệp Ninh	960,65m BTXM+LN	2021-2022	1102/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	7.673	7.673			6.600			BQLDA ĐTXD TP	
14	Hẻm 11, đường Điện Biên Phủ	Hiệp Ninh	119m BTXM	2021-2022	1103/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	618	618			485			BQLDA ĐTXD TP	
15	Đường số 8 Bời Lời	Ninh Sơn	140m BTXM	2021-2022	1106/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	232	232			264			BQLDA ĐTXD TP	
16	Nâng cấp hẻm 68 đường Cách mạng Tháng 8, khu phố 7, Phường 3, thành phố Tây Ninh	Phường 3	348,93m BTNN	2021-2022	1010/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	1.739	1.739			1.500			BQLDA ĐTXD TP	
17	Hẻm số 3 đường Võ Thị Sáu và hẻm số 9 đường Nguyễn Trãi, thành phố Tây Ninh	Phường 3	761 m BTN	2021-2022	1449/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.844	10.844			9.300			BQLDA ĐTXD TP	
18	Đường 1-2 Huỳnh Văn Thanh	Ninh Sơn	1.035,17 m nhựa	2021-2022	1466 ngày 31/10/2019; 274 ngày 15/4/2021	8.226	8.226			7.000			BQLDA ĐTXD TP	
19	Đường M	Phường 3	453,67 m BTN	2021-2022	1487/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.853	4.853			4.100			BQLDA ĐTXD TP	
20	Hẻm 6 đường Trường Chinh, phường Hiệp Ninh	Hiệp Ninh	610.33m nhựa	2021-2022	125/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.560	5.560			4.800			BQLDA ĐTXD TP	
21	Đường số 14, Bời Lời	Ninh Sơn	642,58 m nhựa	2021-2022	1481/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.909	3.909			3.300			BQLDA ĐTXD TP	
22	Đường 30 - 44 Điện Biên Phủ	Ninh Thạnh	908m nhựa	2021-2022	1536/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.625	9.625			8.200			BQLDA ĐTXD TP	
23	Đường số 26 Điện Biên Phủ, phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	208,65m nhựa	2021-2022	1526/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.083	3.083			2.400			BQLDA ĐTXD TP	
24	Đường 5-6 đường Huỳnh Văn Thanh	Ninh Sơn	1034,16m nhựa	2021-2022	1465 ngày 31/10/2019; 290 ngày 23/4/2021	8.115	8.115			7.000			BQLDA ĐTXD TP	
25	Đường 7-8 đường Huỳnh Văn Thanh	Ninh Sơn	960,5m nhựa	2021-2022	1464 ngày 31/10/2019; 275 ngày 15/4/2021	7.586	7.586			6.500			BQLDA ĐTXD TP	

TÀI

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
26	Đường 9-10 đường Huỳnh Văn Thanh	Ninh Sơn	953,951 nhựa	2021-2022	1469 ngày 31/10/2019; 271 ngày 15/4/2021			7.469	7.469			6.500		BQLDA ĐTXD TP
27	Hẻm 27 đường 53 đường Điện Biên Phủ	Ninh Sơn	830,01m nhựa	2021-2022	1471 ngày 31/10/2019; 276 ngày 15/4/2021			5.062	5.062			4.300		BQLDA ĐTXD TP
28	Đường 19-20 Trường Chinh, phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	690.1m nhựa	2021-2022	1529/QĐ-UBND ngày 31/10/2019;			5.320	5.320			4.040		BQLDA ĐTXD TP
29	Đường số 25-26 Trường Chinh, Phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	720m nhựa	2021-2022	1530/QĐ-UBND ngày 31/10/2019			6.178	6.178			5.000		BQLDA ĐTXD TP
30	Hẻm 86, 90 đường CMT8 (nâng cấp), thành phố Tây Ninh	Phường 4	514,49m BTN + thoát nước	2021-2022	1451/QĐ-UBND ngày 31/10/2019			2.204	2.204			1.800		BQLDA ĐTXD TP
31	Đường số 58 Điện Biên Phủ	Phường Ninh Sơn	0,150 Km Láng nhựa	2022-2023	151/QĐ-UBND ngày 20/8/2021			1.500	1.500			1.300		BQLDA ĐTXD TP
32	Đường số 11, Bờ Lồi (Hẻm 1, ĐS.37 Điện Biên Phủ)	Phường Ninh Thạnh	0,47 Km láng nhựa	2022-2023	157/QĐ-UBND ngày 20/8/2021			4.250	4.250			3.500		BQLDA ĐTXD TP
33	Đường số 13, Bờ Lồi (Hẻm 1, ĐS.35 Điện Biên Phủ)	Phường Ninh Thạnh	0,401 Km láng nhựa	2022-2023	177/QĐ-UBND ngày 20/8/2021			3.700	3.700			3.000		BQLDA ĐTXD TP
34	Hẻm 7 đường 30/4, phường 3	Phường 3	231,62 m BTN, thoát nước	2022-2024	Số 158/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 (CTDT)			1.327	1.327			1.200		BQLDA ĐTXD TP
35	Nâng cấp, sửa chữa hẻm 33 đường 30/4	Phường 1	297m BTN Nâng cấp, sửa chữa	2022-2024	129/QĐ-UBND ngày 18/8/2021			2.065	2.065			1.800		BQLDA ĐTXD TP
36	Đường số 7, Bờ Lồi (Hẻm 1, ĐS. 39 Điện Biên Phủ)	Phường Ninh Thạnh	0,56 Km láng nhựa	2022-2023	176/QĐ-UBND ngày 20/8/2021			4.998	4.998			4.500		BQLDA ĐTXD TP
37	Đường số 16 Trường Chinh	Phường Ninh Thạnh	0,69 Km láng nhựa	2022-2024	179/QĐ-UBND ngày 20/8/2021			6.597	6.597			5.900		BQLDA ĐTXD TP
38	Hẻm 8,9 đường Cơ Thánh Vệ	Hiệp Ninh	217,4m	2022-2023	19/QĐ-UBND ngày 08/2/2021			865	865			700		BQLDA ĐTXD TP
39	Hẻm 19A đường Tua Hai	Phường 1	129m BTXM	2022-2023	27/QĐ-UBND ngày 10/3/2021			599	599			370		BQLDA ĐTXD TP
40	Hẻm số 69 đường CMT8, thành phố Tây Ninh	Phường 3	906,82mBTN nhựa + Thoát nước	2022-2024	146/QĐ-UBND ngày 20/8/2021			6.527	6.527			5.700		BQLDA ĐTXD TP
41	Hẻm 87, đường 21, Bờ Lồi	Phường Ninh Sơn	0,36 Km láng nhựa	2022-2024	53/QĐ-UBND ngày 15/4/2021			3.000	3.000			2.500		BQLDA ĐTXD TP
42	Hẻm 7, đường Võ Thị Sáu, phường IV	Phường IV	780m BTN	2022-2023	152/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 (CTDT)			9.496	9.496			7.500		BQLDA ĐTXD TP



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
43	Hèm 26, hèm 28, hèm 30 đường Thuyền	Hiệp Ninh	750m Láng nhựa + Thoát nước	2022-2024	181/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8.941	8.941			7.000			BQLDA ĐTXD TP	
44	Kè bê tông cấp hèm khu dân cư cầu Máng đường 30/4, phường 1	Phường 1	Kè 140m BTXM	2022-2024	271/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	1.523	1.523			1.300			BQLDA ĐTXD TP	
45	Sửa chữa đường BTXM và bố trí hệ thống thoát nước Đường số 23, 25, 27 - ấp Bình Trung	Bình Minh	sửa chữa 1910m BTXM, thoát nước	2022-2024	267/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	6.744	6.744			6.000			BQLDA ĐTXD TP	
46	Hoàn thiện hèm cấp Bến Trường Đồi đường Nguyễn Văn Tốt, Phường 1.	Phường 1	1350m láng nhựa	2022-2023	28/QĐ-UBND ngày 10/3/2021	2.212	2.212			1.900			BQLDA ĐTXD TP	
47	Đường số 22 Trường Chinh	Phường Ninh Thạnh	0,22 Km láng nhựa	2022-2024	178/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2.118	2.118			1.700			BQLDA ĐTXD TP	
48	Đường số 31-32 Trường Chinh	Phường Ninh Thạnh	0,50 Km láng nhựa	2022-2024	155/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4.290	4.290			3.800			BQLDA ĐTXD TP	
49	Hèm khu dân cư cầu máng đường 30/4, phường 1	Phường 1	370m BTXM	2022-2023	144/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	1.021	1.021			900			BQLDA ĐTXD TP	
50	Hèm số 8 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 3	Phường 3	330m BTN	2022-2024	154/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	66.968	66.968			3.850			BQLDA ĐTXD TP	
51	Đường C (Lê Duẩn nối dài)	Phường 3	1.758,93 m BTN	2021-2022	03/NQ-HĐND ngày 04/9/2020	175.784	175.784			73.955			BQLDA ĐTXD TP	
52	Đường Lê Duẩn, khu phố 1, phường 1	Phường 1	200m BTN nhựa	2022-2024	303/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	25.965	25.965			22.000			BQLDA ĐTXD TP	
53	Hèm nhánh 3A, Cơ Thánh Vệ (Đồ điện trường Nguyễn Du)	Hiệp Ninh	250m BTXM + Thoát nước	2022-2024	183/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	1.655	1.655			1.300			BQLDA ĐTXD TP	
54	Đường Dương Minh Châu (đoạn từ đường 9A đến hèm 71 đường CMT8 và đoạn từ hèm 71 đến đường Trường Chinh nối dài)	Phường 3, Hiệp Ninh	0,432km BTN	2022-2024	250/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	41.932	41.932			17.000			BQLDA ĐTXD TP	
55	Đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 2	Phường 2	327m BTN	2022-2024	Số 153/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	6.000	6.000			5.400			BQLDA ĐTXD TP	
56	Đường Nguyễn Chí Thanh nối dài	Phường Hiệp Ninh, phường Ninh Sơn	1.122,47 m BTN	2021-2024	số 19/NQ-HĐND ngày 25/6/2021	138.832	138.832			63.700			BQLDA ĐTXD TP	
IV	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG					176.239	176.239			139.145				
1	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025													

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025													
2.1	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.						176.239	176.239			139.145			
1	Xây mới Chợ Thành phố	Phường 2	Xây mới	2021-2024	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	79.437	79.437			60.000			BQLDA ĐTXD TP	
2	Xây dựng khu tái định cư phường Ninh Sơn	Ninh Sơn	xây mới	2021-2022	103/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	4.356	4.356			2.600			BQLDA ĐTXD TP	
3	Xây mới chợ Thạnh Tân	Thạnh Tân	Xây mới	2021-2022	1124/QĐ-UBND ngày 30/10/202	13.345	13.345			5.735			BQLDA ĐTXD TP	
4	Sân vận động xã Tân Bình	Tân Bình	XD hàng rào, nhà WC, nâng nền sân	2021-2022	998/QĐ-UBND ngày 30/10/202	1.390	1.390			1.100			BQLDA ĐTXD TP	
5	Hệ thống thoát nước khu vực đường Sến Quý	Ninh Sơn	Thoát nước	2022-2024	175/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	5.567	5.567			5.000			BQLDA ĐTXD TP	
6	Hệ thống thoát nước đường số 31 Điện Biên Phủ, phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	Thoát nước	2022-2024	266/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	4.203	4.203			3.700			BQLDA ĐTXD TP	
7	Mở rộng khu di tích lịch sử kháng chiến Thành phố	Bình Minh	xây mới hàng rào, CSHT	2021-2022	1127/QĐ-UBND ngày 30/10/2021	15.672	15.672			12.510			BQLDA ĐTXD TP	
8	Di tích Cơ sở Tỉnh ủy khu phố 4, Phường 2	Phường 2	Mở rộng, tu bổ sửa chữa, thiết kế cảnh quan, phục hồi tái hiện lại hiện vật, vật di tích	2022-2023	159/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4.170	4.170			3.800			BQLDA ĐTXD TP	
9	Di tích chùa Khơ Me Khedol	TPTN	Cải tạo, nâng cấp	2022-2024	161/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	1.743	1.743			1.500			BQLDA ĐTXD TP	
10	Trang thiết bị Nhà lưu niệm Cơ sở Tỉnh ủy Tây Ninh	TPTN	Tu bổ, tôn tạo	2022-2024	160/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	1.406	1.406			1.200			BQLDA ĐTXD TP	
11	Dự án trang bị hệ thống Camera giám sát giao thông, an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm trên địa bàn Thành phố	TPTN	Lắp mới	2022-2024	214/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	44.950	44.950			42.000			CATP	
V	ĐỐI ỨNG NÔNG THÔN MỚI					20.400	20.400			20.400				
VI	AN NINH - QUỐC PHÒNG					13.425	13.425			6.000				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú		
					Số quyết định	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
1	Sở chỉ huy thống nhất thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh			2020-2021		8.925	8.925			2.000			BCH Quân sự Thành phố	Chuyển tiếp		
2	Xây dựng mới Kho vũ khí, đạn và sửa chữa, cải tạo các hạng mục doanh trại của Ban CHQS Thành phố.	Xã Bình Minh	Xây dựng mới + cải tạo, sửa chữa.	2022-2023	188/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4.500	4.500			4.000			BQLDA ĐTXD TP			
VII	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG, QUYẾT TOÁN, TẤT TOÁN					36.250	36.250			36.450						
VIII	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					4.000	4.000			4.000				Danh mục BS kèm theo		
IX	CHI ỦY THÁC VỐN QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI					20.000	20.000			20.000						
X	CHI ĐẦU TƯ TẠO LẬP QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT					145.000	145.000			145.000						
XI	DỰ PHÒNG BÓ TRÍ CÁC DỰ ÁN BỨC XÚC, KHẨN CẤP					70.000	70.000			70.000						
B	NGUỒN TĂNG THU VÀ TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021					911.763	911.763			230.000		251.640				
1	Đường Nguyễn Văn Thắng, KP5, Phường 3	Phường 3	775 m BTN	2021-2023	1126/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	33.989	33.989			4.500			BQLDA ĐTXD TP			
2	Xây mới Chợ Thành phố	Phường 2	Xây mới	2021-2024	24/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	79.437	79.437			3.000			BQLDA ĐTXD TP			
3	Đường Nguyễn Chí Thanh nối dài	Phường Hiệp Ninh, phường Ninh Sơn	1.122,47 m BTN	2021-2024	số 19/NQ-HĐND ngày 25/6/2021	138.832	138.832			61.210			BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù		
4	Đường Dương Minh Châu, phường 3, thành phố Tây Ninh	Phường 3	850 m BTN	2023-2026	số 50/NQ-HĐND ngày 10/11/2021	121.970	121.970			36.480		26.485	BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù		
5	Trường TH Bùi Thị Xuân	Phường 1	Cải tạo, Sửa chữa	2021-2023	1097/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.228	6.228			1.315			BQLDA ĐTXD TP			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
6	Nâng cấp, Mở rộng đường Nguyễn Văn Rốp, thành phố Tây Ninh	Phường IV	2.023,84 m BTN	2021-2025	số 25/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	209.000	209.000			10.000		178.100	BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
7	Đường N3 khu phố 6, phường 3, thành phố Tây Ninh	Phường 3	65,5m BTN	2022-2024	272/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	14.734	14.734			10.000			BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
8	Đường Phạm Văn Chiêu (đoạn từ Yết Kiêu đến Km00-60)	Phường 2	60m BTN	2022-2024	Số 232/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	14.838	14.838			12.300			BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
9	Đường C (Lê Duẩn nối dài)	Phường 3	1.758,93 m BTN	2021-2025	03/NQ-HĐND ngày 04/9/2020	175.784	175.784			29.195		47.055	BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
10	Đường Dương Minh Châu (đoạn từ đường 9A đến hẻm 71 đường CMT8 và đoạn từ hẻm 71 đến đường Trường Chinh nối dài)	Phường 3, Hiệp Ninh	0,412km BTN	2022-2024	250/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	41.932	41.932			10.000			BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
11	Đường quy hoạch từ đường 30/4 đến đường Nguyễn Thái Học (Hẻm 20 đường 30/4)	Phường 2	324,90m BTN	2022-2024	ĐANG TRÌNH UB	65.024	65.024			45.000			BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
12	Mở rộng giao lộ đường 785-Giồng Cỏ, và đường Trần Phú, phường Ninh Sơn	Phường Ninh Sơn	BTN	2022-2024	166/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	9.995	9.995			7.000			BQLDA ĐTXD TP	

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU CHO THÀNH PHỐ
 (Kèm theo Tờ trình số 489/TTr-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố)

Phụ lục 02

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	10=11+12	13
TỔNG											
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025					662.932	662.932	21.821	21.821	474.250	
I.1	Xây dựng nông thôn mới					32.970	32.970	21.821	21.821	4.498	
I.2	Phát triển thành phố, thị xã					32.970	32.970	21.821	21.821	4.498	
1	Hệ thống thoát nước cuối hẻm 77 đường CMT8, TPTN	Phường Hiệp Ninh	Cống thoát nước	2020-2021	1174/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	12.998	12.998	7.550	7.550	1.063	
2	Đường số 10 Bời Lời	Phường Ninh Sơn	Dài 2.071,69m	2020-2021	1468/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.999	9.999	7.000	7.000	2.047	
3	Nạo vét rạch Tây Ninh từ cầu Bến đầu đến cầu Quan thành phố Tây Ninh	TPTN	Nạo vét rạch	2020-2022	1390/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	9.973	9.973	7.271	7.271	1.388	
I.3	Hỗ trợ khác					0	0	0	0		
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025					629.962	629.962	0	0	469.752	
II.1	Xây dựng nông thôn mới					44.250	44.250	0	0	44.250	
1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.										
2	Huyện NTM					0		0	0		
3	Hỗ trợ XD NTM nâng cao	Bình Minh, Thạnh Tân, Tân Bình				30.000	30.000			30.000	
4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	Bình Minh, Thạnh Tân				14.250	14.250			14.250	
II.2	Phát triển thành phố, thị xã					281.212	281.212	0	0	275.502	
1	Đường Nguyễn Văn Thắng, khu phố 5, phường 3	Phường 3	775,00m BTN	2021-2023	1126/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	33.989	33.989			15.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSQT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
2	Hẻm 6 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 3, thành phố Tây Ninh	Phường 3	0,9km BTN	2021-2022	1011/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	6.861	6.861				
3	Hẻm 121 đường 53 Điện Biên Phủ	Ninh Sơn	397,08 m láng nhựa	2021-2022	1470/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.130	2.130			6.000	
4	Hẻm 7 -8 đường số 59 Điện Biên Phủ	Ninh Sơn	199,83 m láng nhựa	2021-2022	1463/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	910	910			1.800	
5	Hẻm 3 đường 18 Bời Lời	Ninh Sơn	576,2 m nhựa	2021-2022	1474/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.540	2.540			680	
6	Hẻm 80 đường CMT8 (nâng cấp), thành phố Tây Ninh	Phường IV	481,91m BTN	2021-2022	số 1263/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	1.925	1.925			2.100	
7	Hẻm số 4 đường Nguyễn Trãi, thành phố Tây Ninh	Phường IV	120,29 m BTXM	2021-2022	1260/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	355	355			1.600	
8	Hẻm 1,3,3A đường số 53 Điện Biên Phủ	Ninh Sơn	896,46 m láng nhựa	2021-2022	1462/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.470	4.470			280	
9	Đường 29 Bời Lời	Ninh Sơn	188m BTXM	2021-2022	1467/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	413	413			3.800	
10	Đường số 1 Ninh Bình	Ninh Sơn	1,88 Km láng nhựa	2021-2022	1483/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.380	8.380			310	
11	Hẻm 13 đường số 14 Bời Lời	Ninh Sơn	855,38 m nhựa	2021-2022	1474/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.090	4.090			7.100	
12	Hẻm 57 đường 20 Bời Lời	Ninh Sơn	719,29 nhựa	2021-2022	1477/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.202	4.202			3.400	
13	Hẻm 8 - Hẻm 20 đường số 4, Trần Phú	Ninh Sơn	463,46m nhựa	2021-2022	1478/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.674	2.674			3.500	
14	Hẻm 7, đường số 14 Bời Lời	Ninh Sơn	857,6 m nhựa	2021-2022	1480/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.822	3.822			2.200	
15	Hẻm 27 đường 12 Bời Lời	Ninh Sơn	1.003 m nhựa	2021-2022	1746/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.250	5.250			3.200	
16	Hệ thống thoát nước lộ 12A (từ chợ Tân Bình đến suối), xã Tân Bình	Tân Bình	538 m mương BTCT	2021-2022	1094/QĐ-UBND ngày 30/10/2021	1.680	1.680			3.550	
17	Thoát nước đường số 12, 15 đường Nguyễn Văn Rốp, thành phố Tây Ninh	Phường IV	465m BTXM + thoát nước	2021-2022	số 1264/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	1.961	1.961			1.400	
18	Hẻm 1 đường 26 Bời Lời	Ninh Sơn	456 m nhựa	2021-2022	1105/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	1.635	1.635			1.600	
19	Hẻm 3 đường 32 Bời Lời	Ninh Sơn	150 m nhựa	2021-2022	1104/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	890	890			1.300	
20	Nhánh 2 hẻm 18 và nhánh hẻm 18 đường Nguyễn Văn Rốp, thành phố Tân Bình	Phường IV	94m BTXM	2021-2022	số 1290/QĐ-UBND ngày 11/10/2019	312	312			730	
21	Đường số 5-6 Trường Chinh, Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	300,64m nhựa	2021-2022	640/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	3.038	3.038			270	
22	Hẻm 16 đường Thuyền	Hiệp Ninh	802,83m nhựa	2021-2022	119/QĐ-UBND ngày 9/10/2020	5.727	5.727			2.750	
23	Đường số 13-14 Trường Chinh, Phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	869,67m nhựa	2021-2022	1528/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.134	7.134			5.400	
										6.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSQT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
24	Hẻm 2 đường Huỳnh Công nghệ (nối dài), KP5, phường 1	Phường 1	503m BTXM	2021-2022	1101/QĐ-UBND ngày 19/9/2019	980	980				
25	Nâng cấp đường Lộ Chánh Môn A, phường IV	Phường IV	1,830km BTN	2021-2022	114/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	36.241	36.241			730	
26	Nâng cấp đường Huỳnh Công Giản, phường IV	Phường IV	1,840km BTN	2021-2022	115/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	36.700	36.700			32.000	
27	Đường số 54 Điện Biên Phủ, nhánh Ninh Sơn - Ninh Thạnh	Ninh Sơn, Ninh Thạnh	1,6km LN	2021-2022	131/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	14.541	14.541			32.000	
28	Đường vào trường Nguyễn Du đến đường số 19 Điện Biên Phủ	Hiệp Ninh	600m láng nhựa	2022-2024	130/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	6.310	6.310			12.500	
29	Đường số 2, Khu phố 5, Phường 3	Phường 3	390m BTN	2022-2023	128/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 (CTDT)	6.530	6.530			5.000	
30	Đường số 20 Trường Chinh nối dài, phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	500m láng nhựa	2022-2023	156/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 (CTDT)	4.498	4.498			5.900	
31	Hẻm 22 đường Thuyền	Hiệp Ninh	350m Láng nhựa + Thoát nước	2022-2024	207/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	3.594	3.594			3.800	
32	Hẻm 5, 7 đường Huỳnh Tấn Phát	Hiệp Ninh	1,8Km láng nhựa	2022-2024	172/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	14.998	14.998			3.100	
33	Đường Dương Minh Châu (đoạn từ đường 9A đến hẻm 71 đường CMT8 và đoạn từ hẻm 71 đến đường Trường Chinh nối dài)	Phường 3, Hiệp Ninh	0,432km BTN	2022-2024	ĐANG TRÌNH UB	41.932	41.932			12.500	
34	Nâng cấp, cải tạo hẻm số 87 và hẻm số 89 CMT8	Hiệp Ninh	1084 m BTN+Thoát nước	2022-2024	149/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	10.500	10.500			7.000	đang trình phê duyệt CTĐT
35	Nâng cấp, cải tạo hẻm số 83 và hẻm số 85 CMT8	Hiệp Ninh	Nâng cấp, cải tạo 595,00mx2 BTN + Thoát nước	2022-2024	150/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	15.518	15.518			8.500	
36	Nâng cấp, cải tạo hẻm số 79 và hẻm số 81 CMT8	Hiệp Ninh	Nâng cấp, cải tạo 1.390,00m BTN + Thoát nước	2022-2024	148/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	16.229	16.229			12.500	
37	Đường số 2A và đường B đoạn còn lại	Phường 3	420m BTN + thoát nước	2022-2023	193/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 (CTDT)	14.922	14.922			14.220	
38	Hẻm 16 đường số 8 Trần Phú	Ninh Sơn	690m BTXM	2022-2024	201/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	4.195	4.195			12.000	
39	Nạo vét suối Trà Phí	Ninh Sơn	3km	2022-2024	Số 131/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	2.675	2.675			3.700	
										2.300	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
40	Nâng cấp đường số 23 đường Trần Văn Trà, xã Bình Minh	Bình Minh	Nâng cấp, sửa chữa 6.780m BTN	2022-2024	270/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	26.532	26.532			21.622	
41	Đường cấp Trung tâm Lưu trữ	Phường 3	216m BTN + 80m BTXM	2023-2025	137/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	13.348	13.348			12.160	
II.3	Hỗ trợ khác					304.500	304.500	0	0	150.000	
1	Mở rộng khu di tích lịch sử kháng chiến Thành phố	Bình Minh	xây mới hàng rào, CSHT	2021-2022	Số 1127/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	15.672	15.672			1.870	
2	Xây dựng kho tạm giữ Công an Thành phố	Bình Minh	xây mới	2022-2023	Số 110/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 (QĐ CTĐT)	14.998	14.998			12.500	
3	Các cơ quan thuộc công an Thành phố	Bình Minh	xây mới	2021-2022	Số 95/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 (BCKTKT)	14.806	14.806			12.500	
4	Sửa chữa cơ sở hạ tầng và xây mới khoa YHCT-PHCN thuộc công trình Trung tâm Y tế Thành phố	Phường 2	sửa chữa + xây mới	2021-2022	Số 200/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 (BCKTKT)	14.938	14.938			12.500	
5	Trường TH Bùi Thị Xuân	Phường 1	Xây mới, cải tạo	2021-2022	Số 1097/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 (BCKTKT)	6.228	6.228			3.500	
6	Trường tiểu học Nguyễn Du	Hiệp Ninh	Duy trì trường CQG	2021-2022	Số 1093/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 (BCKTKT)	8.636	8.636			5.130	
7	Trường THCS Võ Văn Kiệt	Phường IV	Sửa chữa	2022-2024	Số 102/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	5.004	5.004			4.500	
8	Trường TH Lê Văn Tám	Phường 1	Sửa chữa	2022-2024	104/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	4.000	4.000			3.500	
9	Trường MN Hoa Sen	Phường IV	Sửa chữa	2023-2025	620/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	3.000	3.000			2.500	
10	Trường MG Hoa Mai (Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường MN Hoa Mai để duy trì chuẩn Quốc gia)	Thạnh Tân	Duy trì trường CQG	2022-2024	165/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4.505	4.505			3.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tỉnh HTMT nguồn NSTT và XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
11	Cải tạo, sửa chữa Trường TH Trần Phú (đuy trì chuẩn Quốc gia).	Hiệp Ninh	Cải tạo, sửa chữa, công nhận lại CQG	2022-2024	619/QĐ-UBND ngày 29/6/2021; 1364/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	4.997	4.997			4.000	
12	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Chu Văn An (đuy trì chuẩn Quốc gia).	Phường 3	Cải tạo, sửa chữa, công nhận lại CQG	2022-2024	624/QĐ-UBND ngày 29/6/2021; 1365/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	4.990	4.990			4.000	
13	Trường MN Thái Chánh	Phường 2	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	625/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	5.000	5.000			4.000	
14	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	Ninh Sơn	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	94/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	4.033	4.033			3.200	
15	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Kim Đồng để duy trì chuẩn Quốc gia	Phường 2	Duy trì trường CQG	2022-2024	234/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	8.000	8.000			6.500	
16	Trường tiểu học Trương Định (Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường TH Trương Định để duy trì chuẩn quốc gia)	Ninh Sơn	Duy trì trường CQG	2022-2024	164/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8.000	8.000			6.500	
17	Đường Dương Minh Châu, phường 3, thành phố Tây Ninh	Phường 3	850 m BTN	2023-2026	số 50/NQ-HĐND ngày 10/11/2021	121.970	121.970			46.835	
18	Hẻm 01, 02 đường Thuyền	Hiệp Ninh	520m Láng nhựa + Thoát nước	2022-2023	Số 182/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	6.935	6.935			4.500	
19	Hẻm 14 đường Thuyền	Hiệp Ninh	350m Láng nhựa + Thoát nước	2022-2023	Số 180/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	5.740	5.740			4.000	
20	Hẻm 8 đường Huỳnh Công Giản khu phố 1, Phường IV	Phường IV	450m BTXM	2022-2023	số 52/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	3.968	3.968			3.000	
21	Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030 thành phố Tây Ninh	TP Tây Ninh	lập Kế hoạch sử dụng đất 2021- 2030	2021-2023	số 358/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	1.965	1.965			1.965	
22	Xây dựng mới Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Ninh Sơn	Ninh Sơn	xây mới	2022-2024		7.000	7.000				Vốn NSTW 2021-2025 là 450 tỷ
23	Xây dựng trụ sở UBND phường 2	Phường 2	xây mới	2022-2024		16.000	16.000				Vốn NSTW 2021-2025 là 250 tỷ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
24	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND xã Thanh Tân	Thanh Tân	sửa chữa	2022-2024	170/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	6.115	6.115				Vốn NSTW 2021-2025 là 350 tỷ
25	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND phường Hiệp Ninh	Hiệp Ninh	sửa chữa	2022-2024	187/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8.000	8.000				Vốn NSTW 2021-2025 là 300 tỷ



DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Phụ lục 03

Nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu
(Kèm theo Tờ trình số 182 /TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Tỉnh HTMT)		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Ngân sách Thành phố)		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4		6	7	8	9	10	11	13	14
	TỔNG CỘNG				80.793	80.793	44.250		21.240			
1	Sửa chữa 03 Nhà văn hóa ấp và Nhà Văn hóa Dân Tộc xã Tân Bình	Xã Tân Bình	Sửa chữa	222/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	1.650	1.650	908		427		BQLDA ĐTXD TP	Ghi Chú: Nhà văn hóa ấp Tân Lập; Nhà văn hóa ấp Tân Phước; Nhà văn hóa ấp Tân Hòa và Nhà Văn hóa Dân Tộc
2	Xây mới nhà Văn hóa ấp Tân Trung	Xã Tân Bình	Xây mới	237/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	798	798	439		206		BQLDA ĐTXD TP	
3	Cải tạo, sửa chữa 04 Nhà văn hóa ấp và Trung tâm VH TT - HTCD xã Thạnh Tân	Xã Thạnh Tân	Cải tạo, sửa chữa	241/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	2.594	2.594	1.427		671		BQLDA ĐTXD TP	Ghi Chú: Nhà văn hóa ấp Thạnh Đông; Nhà văn hóa ấp Thạnh Hiệp; Nhà Văn Hoá ấp Thạnh Lợi; Nhà Văn Hoá ấp Thạnh Trung và Trung tâm VH TT - HTCD xã Thạnh
4	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hoá dân tộc, xã Thạnh Tân	Xã Thạnh Tân	Cải tạo, sửa chữa	200/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	806	806	443		208		BQLDA ĐTXD TP	
5	Sửa chữa 02 Nhà văn hóa ấp và Trung tâm VH TT & HTCD xã Bình Minh	Xã Bình Minh	Sửa chữa	Số 221/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	1.379	1.379	758		356		BQLDA ĐTXD TP	Ghi Chú: Nhà Văn hóa ấp Giồng Cỏ; Nhà văn hóa ấp Bàu lùn và Trung tâm VH TT & HTCD xã Bình Minh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Tỉnh HTMT)		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Ngân sách Thành phố)		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP		
6	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở UBND xã Bình Minh	Xã Bình Minh	sửa chữa, nâng cấp	240/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	7.122	7.122	3.763		1.761		BQLDA ĐTXD TP	
7	Đường tổ 4, ấp Giồng Tre	xã Bình Minh	500m láng nhựa	245/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	1.452	1.452	799		375		BQLDA ĐTXD TP	
8	Hẻm 82 nối dài, ấp Đồng Cò Đò, xã Bình Minh (đoạn từ đường số 2 khu tái định cư, nhà ở người nghèo, người có công Thành phố đến rạch Tây Ninh)	Bình Minh	145m láng nhựa	268/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	984	984	550		259		BQLDA ĐTXD TP	
9	Đường hẻm 18, ấp Tân Phước	Tân Bình	300m đá dăm	198/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	769	769	423		199		BQLDA ĐTXD TP	
10	Đường số 7, ấp Tân Lập	Tân Bình	850m Láng nhựa	213/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	4.253	4.253	2.339		1.099		BQLDA ĐTXD TP	
11	Đường hẻm 14A, ấp Tân Lập	Tân Bình	980m Láng nhựa	197/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	3.211	3.211	1.766		830		BQLDA ĐTXD TP	
12	Hệ thống thoát nước Lộ 12A (Đoạn từ Hẻm 115 đến đường ĐT793)	Tân Bình	2600m BTXM, cống thoát nước	238/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	10.830	10.830	6.000		2.755		BQLDA ĐTXD TP	
13	Nâng cấp, cải tạo đường số 649, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	2100m láng nhựa	208/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	11.313	11.313	6.368		2.800		BQLDA ĐTXD TP	
14	Nâng cấp, cải tạo hẻm 633-ĐT785, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	630m láng nhựa	204/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	3.422	3.422	1.880		884		BQLDA ĐTXD TP	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Tỉnh HTMT)		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Ngân sách Thành phố)		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP		
15	Nâng cấp, cải tạo đường số 23-ĐT785, ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	1370m láng nhựa	203/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	7.418	7.418	3.781		2.153		BQLDA ĐTXD TP	
16	Nâng cấp, cải tạo đường tổ 13-ĐT785, ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	1500m láng nhựa	205/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	6.120	6.120	3.366		2.082		BQLDA ĐTXD TP	
17	Nâng cấp, cải tạo đường tổ 23 đường số 2 - lộ 10, ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Tân, Thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	1650m láng nhựa	209/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	8.934	8.934	4.983		2.162		BQLDA ĐTXD TP	
18	Nâng cấp, cải tạo đường số 5 - lộ 10, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, Thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	420mBTN	210/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	3.270	3.270	1.799		845		BQLDA ĐTXD TP	
19	Nâng cấp, cải tạo đường số 9 - lộ 10, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, Thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	290mBTN	211/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	2.272	2.272	1.250		600		BQLDA ĐTXD TP	
20	Nâng cấp, cải tạo đường số 11- lộ 10, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, Thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	280m BTN	212/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	2.196	2.196	1.208		568		BQLDA ĐTXD TP	

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm (giai đoạn 2021-2025) nguồn vốn ngân sách Thành phố và ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho Thành phố

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 02**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị Quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Tây Ninh về quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 482/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của UBND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm (giai đoạn 2021-2025) nguồn vốn ngân sách Thành phố và ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho Thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm (giai đoạn 2021-2025) nguồn vốn ngân sách Thành phố và ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho Thành phố là: 1.549,250 tỷ đồng (*Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu: 474,250 tỷ đồng và Ngân sách Thành phố: 1.075,000 tỷ đồng*) cụ thể như sau:

1. Ngân sách Thành phố: 1.075,000 tỷ đồng, bao gồm:
 - a) Nguồn cân đối ngân sách: 200,000 tỷ đồng;
 - b) Nguồn thu tiền sử dụng đất Thành phố: 645,000 tỷ đồng;
 - c) Nguồn tăng thu và tiết kiệm chi ngân sách Thành phố năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 230 tỷ đồng.

(Danh mục chi tiết kèm theo phụ lục số 01)

2. Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu: 474,250 tỷ đồng, bao gồm:

- a) Xây dựng nông thôn mới: 44,250 tỷ đồng;
- b) Phát triển Thành phố: 280,000 tỷ đồng;
- c) Hỗ trợ khác: 150,000 tỷ đồng.

(Danh mục kèm theo phụ lục số 02, 03)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Khóa XII, Kỳ họp thứ 03 thông qua ngày tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận: *an*

- TT. HĐND Tỉnh;
- UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TT. Thành ủy;
- Đại biểu HĐND TP;
- UBND Thành phố;
- BTT. UBMTTQVN Thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị TP;
- Phòng Tư pháp TP;
- HĐND, UBND phường, xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nguồn vốn ngân sách Thành phố

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
1	2	3	4	5	6	6	7	8	9	10	11		13	14
	TỔNG CỘNG (A + B)					2.156.252	2.156.252	28.332	28.332	1.075.000		251.640		
A	NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ					1.244.489	1.244.489	28.332	28.332	845.000				
I	NGÀNH GIÁO DỤC					29.557	29.557			16.427				
1	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025													
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025													
2.1	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.					29.557	29.557			16.427				
1	Trường TH Bùi Thị Xuân	Phường 1	Cải tạo, Sửa chữa	2021-2023	1097/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.228	6.228			685			BQLDA ĐTXD TP	
2	Trường tiểu học Nguyễn Du	Ninh Sơn	Duy trì trường CQG	2021-2023	1039/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	8.636	8.636			2.196			BQLDA ĐTXD TP	TP+HTMT
3	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Bình Minh	Duy trì trường CQG	2021-2022	281/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	1.997	1.997			1.800			BQLDA ĐTXD TP	
4	Trường MN Rạng Đông	Phường 2	Duy trì trường CQG	2021-2022	807/QĐ-UBND ngày 27/8/2020	873	873			700			BQLDA ĐTXD TP	
5	Cải tạo sân nền trường TH Võ Thị Sáu	Phường 3	Cải tạo	2022-2024	548/QĐ-UBND ngày 17/6/2021	997	997			900			BQLDA ĐTXD TP	
6	Cải tạo và xử lý ngập úng sân nền Trường THCS Phan Bội Châu	Phường 1	Cải tạo	2022-2024	96/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	1.495	1.495			1.200			BQLDA ĐTXD TP	
7	Các khu vệ sinh thông minh Trường TH Kim Đồng	Phường 2	Cải tạo, sửa chữa nhà WC Thông minh	2022-2024	103/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; 1118/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	3.685	3.685			3.300			BQLDA ĐTXD TP	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
8	Cải tạo, sửa chữa các trường trên địa bàn TP	Thành phố	Cải tạo, sửa chữa	2021		5.646	5.646			5.646			BQLDA ĐTXD TP	
II	TRỤ SỞ CƠ CẤC CƠ QUAN					31.429	31.429			27.984				
1	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025													
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					31.429	31.429			27.984				
2.1	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.					31.429	31.429			27.984				
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Hội trường Thành phố (Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Thành phố cũ) và Nhà ăn, sân vườn trụ sở Thành ủy.	Phường 3	Cải tạo, sửa chữa	2021-2022	286/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	6.229	6.229			5.700			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
2	Cải tạo, nâng cấp BQL khu phố 1, phường 2	Phường 2	Cải tạo, nâng cấp	2021	213/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	665	665			550			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
3	Cải tạo, sửa chữa BQL khu phố 2, 3 phường 2	Phường 2	Cải tạo, sửa chữa	2021	221/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	600	600			584			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
4	Sửa chữa trụ sở Khối vận, các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy	Phường 3	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	14/QĐ-UBND ngày 02/2/2021;572/QĐ-UBND ngày	2.300	2.300			2.000			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
5	Văn phòng làm việc khu phố 3 (Đường Lê Lợi)	Phường 3	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	162/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	1.174	1.174			1.000			BQLDA ĐTXD TP	
6	Nhà kho lưu trữ Ban Dân vận thành ủy	Phường 3	Xây mới	2022-2024	231/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	700	700			600			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
7	Sửa chữa trụ sở Hội khuyến học Thành phố	Phường 2	Sửa chữa	2022-2024	95/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	536	536			450			BQLDA ĐTXD TP	
8	Sửa chữa trụ sở UBND Thành phố	Phường 1	sửa chữa	2022-2024	202/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	14.883	14.883			13.400			BQLDA ĐTXD TP	
9	Sửa chữa khu hành chính Thành phố	Phường 3	sửa chữa	2022-2024	538//QĐ-UBND ngày 17/6/2021	1.342	1.342			1.200			BQLDA ĐTXD TP	Quyết định BCKTKT
10	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	169/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	3.000	3.000			2.500			BQLDA ĐTXD TP	
III	NGÀNH GIAO THÔNG					698.189	698.189	28.332	28.332	359.594				
1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020					45.810	45.810	28.332	28.332	7.486				
1	Hẻm 17, 29, 30, 33, 35 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Hiệp Ninh	Hiệp Ninh	2,421 Km Láng nhựa	2020-2021	1524/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.994	9.994	4.700	4.700	2.500			BQLDA ĐTXD TP	
2	Đường số 2, 2B, Phạm Tung, kp5, Phường 3	Phường 3	0,414 Km BTNN	2020-2021	1490/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.222	5.222	3.922	3.922	631			BQLDA ĐTXD TP	Đã bàn giao

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
3	Đường số 3, Phường 3	Phường 3	684,3m BTN	2020-2021	1489/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.077	9.077	6.450	6.450	519			BQLDA ĐTXD TP	Đã bàn giao
4	Hẻm 1 - 2 Trường Chinh, phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	0,401 km Láng nhựa	2020-2021	1527/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.750	4.750	2.060	2.060	1.300			BQLDA ĐTXD TP	
5	Đường G, H, Kp5, phường 3	Phường 3	399,7m BTN	2020-2021	1484/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.519	3.519	2.600	2.600	200			BQLDA ĐTXD TP	Đã bàn giao
6	Đường số 5, Kp5, phường 3	Phường 3	492,9m BTN	2020-2021	1486/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.447	5.447	4.100	4.100	408			BQLDA ĐTXD TP	Đã bàn giao
7	Nâng cấp đường E , KP5, P3, TPTN	Phường 3	340m BTN	2020-2021	1488/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	7.801	7.801	4.500	4.500	1.928			BQLDA ĐTXD TP	Chờ nghiệm thu
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					652.379	652.379			352.108				
2.1	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.					652.379	652.379			352.108				
1	Hẻm 7, đường số 30 ấp Bình Trung, xã Bình Minh	Bình Minh	117m BTXM	2021-2022	1107/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	215	215			196			BQLDA ĐTXD TP	
2	Đường tổ 1 đường Trần Văn Trà ấp Bàu Lùn xã Bình Minh	Bình Minh	88m BTXM	2021-2022	1108/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	188	188			171			BQLDA ĐTXD TP	
3	Hẻm 21, đường số 31 ấp Bàu Lùn, xã Bình Minh	Bình Minh	718m láng nhựa	2021-2022	1109/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.811	1.811			1.550			BQLDA ĐTXD TP	
4	Đường Tổ 3-1 của đường số 23, ấp Giồng cà, xã Bình Minh	Bình Minh	371m CP đá dăm	2021-2022	1110/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	434	434			338			BQLDA ĐTXD TP	
5	Đường Tổ 2-1 của đường số 23, ấp Giồng Cà, xã Bình Minh	Bình Minh	376m CP đá dăm	2021-2022	1111/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	369	369			330			BQLDA ĐTXD TP	
6	Hệ thống thoát nước đường 785-Giồng Cà, xã Bình Minh	Bình Minh	1342m mương + cống	2021-2022	1112/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	8.667	8.667			7.200			BQLDA ĐTXD TP	
7	Nâng cấp đường số 15 Trần Văn Trà, ấp Giồng Tre, xã Bình Minh	Bình Minh	1339 láng nhựa	2021-2022	1113/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.039	2.039			1.750			BQLDA ĐTXD TP	
8	Đường tổ 6 nối dài ấp Giồng Tre, xã Bình Minh	Bình Minh	533 láng nhựa	2021-2022	1114/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.098	1.098			979			BQLDA ĐTXD TP	
9	Cầu sắt ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh	Bình Minh	cầu chính 19,3m	2021-2022	1115/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.775	3.775			3.100			BQLDA ĐTXD TP	
10	Đường nhánh trái tổ 35 Tân Trung, xã Tân Bình	Tân Bình	740m sỏi đỏ	2021-2022	1095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.000	1.000			830			BQLDA ĐTXD TP	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
11	Hèm 13, 15 đường Thuyền	Hiệp Ninh	300m láng nhựa	2021-2022	1099/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.706	3.706			3.200			BQLDA ĐTXD TP	
12	Hèm 1, 9 đường Điện Biên Phủ	Hiệp Ninh	393,49m BTXM+LN	2021-2022	1101/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.872	1.872			1.600			BQLDA ĐTXD TP	
13	Hèm 7, 13 đường Điện Biên Phủ	Hiệp Ninh	960,65m BTXM+LN	2021-2022	1102/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	7.673	7.673			6.600			BQLDA ĐTXD TP	
14	Hèm 11, đường Điện Biên Phủ	Hiệp Ninh	119m BTXM	2021-2022	1103/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	618	618			485			BQLDA ĐTXD TP	
15	Đường số 8 Bời Lời	Ninh Sơn	140m BTXM	2021-2022	1106/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	232	232			264			BQLDA ĐTXD TP	
16	Nâng cấp hèm 68 đường Cách mạng Tháng 8, khu phố 7, Phường 3, thành phố Tây Ninh	Phường 3	348,93m BTNN	2021-2022	1010/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	1.739	1.739			1.500			BQLDA ĐTXD TP	
17	Hèm số 3 đường Võ Thị Sáu và hèm số 9 đường Nguyễn Trãi, thành phố Tây Ninh	Phường 3	761 m BTN	2021-2022	1449/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	10.844	10.844			9.300			BQLDA ĐTXD TP	
18	Đường 1-2 Huỳnh Văn Thanh	Ninh Sơn	1.035,17 m nhựa	2021-2022	1466 ngày 31/10/2019; 274 ngày 15/4/2021	8.226	8.226			7.000			BQLDA ĐTXD TP	
19	Đường M	Phường 3	453,67 m BTN	2021-2022	1487/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.853	4.853			4.100			BQLDA ĐTXD TP	
20	Hèm 6 đường Trường Chinh, phường Hiệp Ninh	Hiệp Ninh	610.33m nhựa	2021-2022	125/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.560	5.560			4.800			BQLDA ĐTXD TP	
21	Đường số 14, Bời Lời	Ninh Sơn	642,58 m nhựa	2021-2022	1481/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.909	3.909			3.300			BQLDA ĐTXD TP	
22	Đường 30 - 44 Điện Biên Phủ	Ninh Thạnh	908m nhựa	2021-2022	1536/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.625	9.625			8.200			BQLDA ĐTXD TP	
23	Đường số 26 Điện Biên Phủ, phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	208,65m nhựa	2021-2022	1526/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.083	3.083			2.400			BQLDA ĐTXD TP	
24	Đường 5-6 đường Huỳnh Văn Thanh	Ninh Sơn	1034,16m nhựa	2021-2022	1465 ngày 31/10/2019; 290 ngày 23/4/2021	8.115	8.115			7.000			BQLDA ĐTXD TP	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
42	Hèm 7, đường Võ Thị Sáu, phường IV	Phường IV	780m BTN	2022-2023	152/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 (CTDT)	9.496	9.496			7.500			BQLDA ĐTXD TP	
43	Hèm 26, hèm 28, hèm 30 đường Thuyền	Hiệp Ninh	750m Láng nhựa + Thoát nước	2022-2024	181/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8.941	8.941			7.000			BQLDA ĐTXD TP	
44	Kè bê tông cấp hèm khu dân cư cầu Máng đường 30/4, phường 1	Phường 1	Kè 140m BTXM	2022-2024	271/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	1.523	1.523			1.300			BQLDA ĐTXD TP	
45	Sửa chữa đường BTXM và bố trí hệ thống thoát nước Đường số 23, 25, 27 - ấp Bình Trung	Bình Minh	sửa chữa 1910m BTXM, thoát nước	2022-2024	267/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	6.744	6.744			6.000			BQLDA ĐTXD TP	
46	Hoàn thiện hèm cấp Bến Trường Đồi đường Nguyễn Văn Tồn, Phường 1.	Phường 1	1350m láng nhựa	2022-2023	28/QĐ-UBND ngày 10/3/2021	2.212	2.212			1.900			BQLDA ĐTXD TP	
47	Đường số 22 Trường Chinh	Phường Ninh Thạnh	0,22 Km láng nhựa	2022-2024	178/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2.118	2.118			1.700			BQLDA ĐTXD TP	
48	Đường số 31-32 Trường Chinh	Phường Ninh Thạnh	0,50 Km láng nhựa	2022-2024	155/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4.290	4.290			3.800			BQLDA ĐTXD TP	
49	Hèm khu dân cư cầu máng đường 30/4, phường 1	Phường 1	370m BTXM	2022-2023	144/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	1.021	1.021			900			BQLDA ĐTXD TP	
50	Hèm số 8 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 3	Phường 3	330m BTN	2022-2024	154/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	66.968	66.968			3.850			BQLDA ĐTXD TP	
51	Đường C (Lê Duẩn nối dài)	Phường 3	1.758,93 m BTN	2021-2022	03/NQ-HĐND ngày 04/9/2020	175.784	175.784			73.955			BQLDA ĐTXD TP	
52	Đường Lê Duẩn, khu phố 1, phường 1	Phường 1	200m BTN nhựa	2022-2024	303/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	25.965	25.965			22.000			BQLDA ĐTXD TP	
53	Hèm nhánh 3A, Cơ Thánh Vệ (Đồ điện trường Nguyễn Du)	Hiệp Ninh	250m BTXM + Thoát nước	2022-2024	183/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	1.655	1.655			1.300			BQLDA ĐTXD TP	
54	Đường Dương Minh Châu (đoạn từ đường 9A đến hèm 71 đường CMT8 và đoạn từ hèm 71 đến đường Trường Chinh nối dài)	Phường 3, Hiệp Ninh	0,412km BTN	2022-2024	250/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	41.932	41.932			17.000			BQLDA ĐTXD TP	
55	Đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 2	Phường 2	327m BTN	2022-2024	Số 153/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 (CTDT)	6.000	6.000			5.400			BQLDA ĐTXD TP	
56	Đường Nguyễn Chí Thanh nối dài	Phường Hiệp Ninh, phường Ninh Sơn	569 m BTN	2021-2024	số 19/NQ-HĐND ngày 25/6/2021	138.832	138.832			63.700			BQLDA ĐTXD TP	
IV	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG					176.239	176.239			139.145				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
1	Dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025													
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025													
2.1	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.					176.239	176.239			139.145				
1	Xây mới Chợ Thành phố	Phường 2	Xây mới	2021-2024	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	79.437	79.437			60.000			BQLDA ĐTXD TP	
2	Xây dựng khu tái định cư phường Ninh Sơn	Ninh Sơn	xây mới	2021-2022	103/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	4.356	4.356			2.600			BQLDA ĐTXD TP	
3	Xây mới chợ Thạnh Tân	Thạnh Tân	Xây mới	2021-2022	1124/QĐ-UBND ngày 30/10/202	13.345	13.345			5.735			BQLDA ĐTXD TP	
4	Sân vận động xã Tân Bình	Tân Bình	XD hàng rào, nhà WC, nâng nền sân	2021-2022	998/QĐ-UBND ngày 30/10/202	1.390	1.390			1.100			BQLDA ĐTXD TP	
5	Hệ thống thoát nước khu vực đường Sến Quý	Ninh Sơn	Thoát nước	2022-2024	175/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	5.567	5.567			5.000			BQLDA ĐTXD TP	
6	Hệ thống thoát nước đường số 31 Điện Biên Phủ, phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	Thoát nước	2022-2024	266/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	4.203	4.203			3.700			BQLDA ĐTXD TP	
7	Mở rộng khu di tích lịch sử kháng chiến Thành phố	Bình Minh	xây mới hàng rào, CSHT	2021-2022	1127/QĐ-UBND ngày 30/10/2021	15.672	15.672			12.510			BQLDA ĐTXD TP	
8	Di tích Cơ sở Tỉnh ủy khu phố 4, Phường 2	Phường 2	Mở rộng, tu bổ sửa chữa, thiết kế cảnh quan, phục hồi tái hiện lại hiện vật, vật di tích	2022-2023	159/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4.170	4.170			3.800			BQLDA ĐTXD TP	
9	Di tích chùa Khơ Me Khedol	TPTN	Cải tạo, nâng cấp	2022-2024	161/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	1.743	1.743			1.500			BQLDA ĐTXD TP	
10	Trang thiết bị Nhà lưu niệm Cơ sở Tỉnh ủy Tây Ninh	TPTN	Tu bổ, tôn tạo	2022-2024	160/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	1.406	1.406			1.200			BQLDA ĐTXD TP	
11	Dự án trang bị hệ thống Camera giám sát giao thông, an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm trên địa bàn Thành phố	TPTN	Lắp mới	2022-2024	214/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	44.950	44.950			42.000			CATP	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
V	ĐỐI ỨNG NÔNG THÔN MỚI					20.400	20.400			20.400				
VI	AN NINH - QUỐC PHÒNG					13.425	13.425			6.000				
1	Sở chỉ huy thống nhất thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh			2020-2021		8.925	8.925			2.000			BCH Quân sự Thành phố	Chuyển tiếp
2	Xây dựng mới Kho vũ khí, đạn và sửa chữa, cải tạo các hạng mục doanh trại của Ban CHQS Thành phố.	Xã Bình Minh	Xây dựng mới + cải tạo, sửa chữa.	2022-2023	188/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4.500	4.500			4.000			BQLDA ĐTXD TP	
VII	THANH TOÁN KHÔI LƯỢNG, QUYẾT TOÁN, TẮT TOÁN					36.250	36.250			36.450				
VIII	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					4.000	4.000			4.000				Danh mục BS kèm theo
IX	CHI ỦY THÁC VỐN QUA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI					20.000	20.000			20.000				
X	CHI ĐẦU TƯ TẠO LẬP QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT					145.000	145.000			145.000				
XI	DỰ PHÒNG BÓ TRÍ CÁC DỰ ÁN BỨC XÚC, KHẨN CẤP					70.000	70.000			70.000				
B	NGUỒN TĂNG THU VÀ TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021					911.763	911.763			230.000		251.640		
1	Đường Nguyễn Văn Thắng, KP5, Phường 3	Phường 3	775 m BTN	2021-2023	1126/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	33.989	33.989			4.500			BQLDA ĐTXD TP	
2	Xây mới Chợ Thành phố	Phường 2	Xây mới	2021-2024	24/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	79.437	79.437			3.000			BQLDA ĐTXD TP	
3	Đường Nguyễn Chí Thanh nối dài	Phường Hiệp Ninh, phường Ninh Sơn	569 m BTN	2021-2024	số 19/NQ-HĐND ngày 25/6/2021	138.832	138.832			61.210			BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
4	Đường Dương Minh Châu, phường 3, thành phố Tây Ninh	Phường 3	850 m BTN	2023-2026	số 50/NQ-HĐND ngày 10/11/2021	121.970	121.970			36.480		26.485	BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
5	Trường TH Bùi Thị Xuân	Phường 1	Cải tạo, Sửa chữa	2021-2023	1097/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.228	6.228			1.315			BQLDA ĐTXD TP	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025		Nhu cầu vốn còn lại phải tiếp tục phân bổ giai đoạn 2026-2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
6	Nguyễn Văn Rốp	Phường IV	2.023,84 m BTN	2021-2025	số 25/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	209.000	209.000			10.000		178.100	BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
7	Đường N3 khu phố 6, phường 3, thành phố Tây Ninh	Phường 3	65,5m BTN	2022-2024	272/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	14.734	14.734			10.000			BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
8	Đường Phạm Văn Chiêu (đoạn từ Yết Kiêu đến Km00-60)	Phường 2	60m BTN	2022-2024	Số 232/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	14.838	14.838			12.300			BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
9	Đường C (Lê Duẩn nối dài)	Phường 3	1.758,93 m BTN	2021-2025	03/NQ-HĐND ngày 04/9/2020	175.784	175.784			29.195		47.055	BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
10	Đường Dương Minh Châu (đoạn từ đường 9A đến hẻm 71 đường CMT8 và đoạn từ hẻm 71 đến đường Trường Chinh nối dài)	Phường 3, Hiệp Ninh	0,412km BTN	2022-2024	250/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	41.932	41.932			10.000			BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
11	Đường quy hoạch từ đường 30/4 đến đường Nguyễn Thái Học (Hẻm 20 đường 30/4)	Phường 2	324,90m BTN	2022-2024	ĐANG TRÌNH UB	65.024	65.024			45.000			BQLDA ĐTXD TP	NSTP+HTM T+VK Có đền bù
12	Mở rộng giao lộ đường 785-Giồng Cà, và đường Trần Phú, phường Ninh Sơn	Phường Ninh Sơn	BTN	2022-2024	166/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	9.995	9.995			7.000			BQLDA ĐTXD TP	

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU CHO THÀNH PHỐ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	10=11+12	13
	TỔNG					662.932	662.932	21.821	21.821	474.250	
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 05 năm 2021-2025					32.970	32.970	21.821	21.821	4.498	
I.1	Xây dựng nông thôn mới										
I.2	Phát triển thành phố, thị xã					32.970	32.970	21.821	21.821	4.498	
1	Hệ thống thoát nước cuối hẻm 77 đường CMT8, TPTN	Phường Hiệp Ninh	Cống thoát nước	2020-2021	1174/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	12.998	12.998	7.550	7.550	1.063	
2	Đường số 10 Bờ Lờ	Phường Ninh Sơn	Dài 2.071,69m	2020-2021	1468/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.999	9.999	7.000	7.000	2.047	
3	Nạo vét rạch Tây Ninh từ cầu Bến dầu đến cầu Quan thành phố Tây Ninh	TPTN	Nạo vét rạch	2020-2022	1390/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	9.973	9.973	7.271	7.271	1.388	
I.3	Hỗ trợ khác					0	0	0	0		
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 05 năm 2021-2025					629.962	629.962	0	0	469.752	
II.1	Xây dựng nông thôn mới					44.250	44.250	0	0	44.250	
1	Vốn xã điểm xây dựng nông thôn mới.										
2	Huyện NTM					0		0	0		
3	Hỗ trợ XD NTM nâng cao	Bình Minh, Thanh Tân, Tân Bình				30.000	30.000			30.000	
4	Hỗ trợ XD NTM kiểu mẫu	Bình Minh, Thanh Tân				14.250	14.250			14.250	
II.2	Phát triển thành phố, thị xã					281.212	281.212	0	0	275.502	
1	Đường Nguyễn Văn Thắng, khu phố 5, phường 3	Phường 3	775,00m BTN	2021-2023	1126/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	33.989	33.989			15.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
2	Hẻm 6 đường Nguyễn Chí Thanh, phường 3, thành phố Tây Ninh	Phường 3	0,9km BTN	2021-2022	1011/QĐ-UBND ngày 21/10/2020	6.861	6.861			6.000	
3	Hẻm 121 đường 53 Điện Biên Phủ	Ninh Sơn	397,08 m láng nhựa	2021-2022	1470/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.130	2.130			1.800	
4	Hẻm 7 -8 đường số 59 Điện Biên Phủ	Ninh Sơn	199,83 m láng nhựa	2021-2022	1463/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	910	910			680	
5	Hẻm 3 đường 18 Bờ Lồi	Ninh Sơn	576,2 m nhựa	2021-2022	1474/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.540	2.540			2.100	
6	Hẻm 80 đường CMT8 (nâng cấp), thành phố Tây Ninh	Phường IV	481,91m BTN	2021-2022	số 1263/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	1.925	1.925			1.600	
7	Hẻm số 4 đường Nguyễn Trãi, thành phố Tây Ninh	Phường IV	120,29 m BTXM	2021-2022	1260/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	355	355			280	
8	Hẻm 1,3,3A đường số 53 Điện Biên Phủ	Ninh Sơn	896,46 m láng nhựa	2021-2022	1462/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.470	4.470			3.800	
9	Đường 29 Bờ Lồi	Ninh Sơn	188m BTXM	2021-2022	1467/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	413	413			310	
10	Đường số 1 Ninh Bình	Ninh Sơn	1,88 Km láng nhựa	2021-2022	1483/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.380	8.380			7.100	
11	Hẻm 13 đường số 14 Bờ Lồi	Ninh Sơn	855,38 m nhựa	2021-2022	1474/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.090	4.090			3.400	
12	Hẻm 57 đường 20 Bờ Lồi	Ninh Sơn	719,29 nhựa	2021-2022	1477/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.202	4.202			3.500	
13	Hẻm 8 - Hẻm 20 đường số 4, Trần Phú	Ninh Sơn	463,46m nhựa	2021-2022	1478/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.674	2.674			2.200	
14	Hẻm 7, đường số 14 Bờ Lồi	Ninh Sơn	857,6 m nhựa	2021-2022	1480/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.822	3.822			3.200	
15	Hẻm 27 đường 12 Bờ Lồi	Ninh Sơn	1.003 m nhựa	2021-2022	1746/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.250	5.250			3.550	
16	Hệ thống thoát nước lộ 12A (từ chợ Tân Bình đến suối), xã Tân Bình	Tân Bình	538 m mương BTCT	2021-2022	1094/QĐ-UBND ngày 30/10/2021	1.680	1.680			1.400	
17	Thoát nước đường số 12, 15 đường Nguyễn Văn Rốp, thành phố Tây Ninh	Phường IV	465m BTXM + thoát nước	2021-2022	số 1264/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	1.961	1.961			1.600	
18	Hẻm 1 đường 26 Bờ Lồi	Ninh Sơn	456 m nhựa	2021-2022	1105/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	1.635	1.635			1.300	
19	Hẻm 3 đường 32 Bờ Lồi	Ninh Sơn	150 m nhựa	2021-2022	1104/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	890	890			730	
20	Nhánh 2 hẻm 18 và nhánh hẻm 18 đường Nguyễn Văn Rốp, thành phố Tân Ninh	Phường IV	94m BTXM	2021-2022	số 1290/QĐ-UBND ngày 11/10/2019	312	312			270	
21	Đường số 5-6 Trường Chinh, Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	300,64m nhựa	2021-2022	640/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	3.038	3.038			2.750	
22	Hẻm 16 đường Thuyền	Hiệp Ninh	802,83m nhựa	2021-2022	119/QĐ-UBND ngày 9/10/2020	5.727	5.727			5.400	
23	Đường số 13-14 Trường Chinh, Phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	869,67m nhựa	2021-2022	1528/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	7.134	7.134			6.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSXT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
24	Hẻm 2 đường Huỳnh Công nghệ (nối dài), KP5, phường 1	Phường 1	503m BTXM	2021-2022	1101/QĐ-UBND ngày 19/9/2019	980	980			730	
25	Nâng cấp đường Lê Chánh Môn A, phường IV	Phường IV	1,830km BTN	2021-2022	114/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	36.241	36.241			32.000	
26	Nâng cấp đường Huỳnh Công Giản, phường IV	Phường IV	1,840km BTN	2021-2022	115/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	36.700	36.700			32.000	
27	Đường số 54 Điện Biên Phủ, nhánh Ninh Sơn - Ninh Thạnh	Ninh Sơn, Ninh Thạnh	1,6km LN	2021-2022	131/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	14.541	14.541			12.500	
28	Đường vào trường Nguyễn Du đến đường số 19 Điện Biên Phủ	Hiệp Ninh	600m láng nhựa	2022-2024	130/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	6.310	6.310			5.000	
29	Đường số 2, Khu phố 5, Phường 3	Phường 3	390m BTN	2022-2023	128/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 (CTDT)	6.530	6.530			5.900	
30	Đường số 20 Trường Chinh nối dài, phường Ninh Thạnh	Ninh Thạnh	500m láng nhựa	2022-2023	156/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 (CTDT)	4.498	4.498			3.800	
31	Hẻm 22 đường Thuyền	Hiệp Ninh	350m Láng nhựa + Thoát nước	2022-2024	207/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	3.594	3.594			3.100	
32	Hẻm 5, 7 đường Huỳnh Tấn Phát	Hiệp Ninh	1,8Km láng nhựa	2022-2024	172/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	14.998	14.998			12.500	
33	Đường Dương Minh Châu (đoạn từ đường 9A đến hẻm 71 đường CMT8 và đoạn từ hẻm 71 đến đường Trường Chinh nối dài)	Phường 3, Hiệp Ninh	0,412km BTN	2022-2024	ĐANG TRÌNH UB	41.932	41.932			7.000	đang trình phê duyệt CTĐT
34	Nâng cấp, cải tạo hẻm số 87 và hẻm số 89 CMT8	Hiệp Ninh	1084 m BTN+Thoát nước	2022-2024	149/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	10.500	10.500			8.500	
35	Nâng cấp, cải tạo hẻm số 83 và hẻm số 85 CMT8	Hiệp Ninh	Nâng cấp, cải tạo 595,00mx2 BTN + Thoát nước	2022-2024	150/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	15.518	15.518			12.500	
36	Nâng cấp, cải tạo hẻm số 79 và hẻm số 81 CMT8	Hiệp Ninh	Nâng cấp, cải tạo 1.390,00m BTN + Thoát nước	2022-2024	148/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	16.229	16.229			14.220	
37	Đường số 2A và đường B đoạn còn lại	Phường 3	420m BTN + thoát nước	2022-2023	193/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 (CTDT)	14.922	14.922			12.000	
38	Hẻm 16 đường số 8 Trần Phú	Ninh Sơn	690m BTXM	2022-2024	201/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	4.195	4.195			3.700	
39	Nạo vét suối Trà Phi	Ninh Sơn	3km	2022-2024	Số 131/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	2.675	2.675			2.300	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSXT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
40	Nâng cấp đường số 23 đường Trần Văn Trà, xã Bình Minh	Bình Minh	Nâng cấp, sửa chữa 6.780m BTN	2022-2024	270/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	26.532	26.532			21.622	
41	Đường cấp Trung tâm Lưu trữ	Phường 3	216m BTN + 80m BTXM	2023-2025	137/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	13.348	13.348			12.160	
II.3	Hỗ trợ khác					304.500	304.500	0	0	150.000	
1	Mở rộng khu di tích lịch sử kháng chiến Thành phố	Bình Minh	xây mới hàng rào, CSHT	2021-2022	Số 1127/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	15.672	15.672			1.870	
2	Xây dựng kho tạm giữ Công an Thành phố	Bình Minh	xây mới	2022-2023	Số 110/QĐ-UBND ngày 06/7/2021(QĐ CTĐT)	14.998	14.998			12.500	
3	Các cơ quan thuộc công an Thành phố	Bình Minh	xây mới	2021-2022	Số 95/QĐ-UBND ngày 29/01/2021(BCKTKT)	14.806	14.806			12.500	
4	Sửa chữa cơ sở hạ tầng và xây mới khoa YHCT-PHCN thuộc công trình Trung tâm Y tế Thành phố	Phường 2	sửa chữa + xây mới	2021-2022	Số 200/QĐ-UBND ngày 24/3/2021(BCKTKT)	14.938	14.938			12.500	
5	Trường TH Bùi Thị Xuân	Phường 1	Xây mới, cải tạo	2021-2022	Số 1097/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 (BCKTKT)	6.228	6.228			3.500	
6	Trường tiểu học Nguyễn Du	Hiệp Ninh	Duy trì trường CQG	2021-2022	Số 1093/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 (BCKTKT)	8.636	8.636			5.130	
7	Trường THCS Võ Văn Kiệt	Phường IV	Sửa chữa	2022-2024	Số 102/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	5.004	5.004			4.500	
8	Trường TH Lê Văn Tám	Phường 1	Sửa chữa	2022-2024	104/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	4.000	4.000			3.500	
9	Trường MN Hoa Sen	Phường IV	Sửa chữa	2023-2025	620/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	3.000	3.000			2.500	
10	Trường MG Hoa Mai (Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường MN Hoa Mai để duy trì chuẩn Quốc gia)	Thanh Tân	Duy trì trường CQG	2022-2024	165/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4.505	4.505			3.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
11	Cải tạo, sửa chữa Trường TH Trần Phú (đuy trì chuẩn Quốc gia).	Hiệp Ninh	Cải tạo, sửa chữa, công nhận lại CQG	2022-2024	619/QĐ-UBND ngày 29/6/2021; 1364/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	4.997	4.997			4.000	
12	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Chu Văn An (đuy trì chuẩn Quốc gia).	Phường 3	Cải tạo, sửa chữa, công nhận lại CQG	2022-2024	624/QĐ-UBND ngày 29/6/2021; 1365/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	4.990	4.990			4.000	
13	Trường MN Thái Chánh	Phường 2	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	625/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	5.000	5.000			4.000	
14	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	Ninh Sơn	Cải tạo, sửa chữa	2022-2024	94/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	4.033	4.033			3.200	
15	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Kim Đồng để duy trì chuẩn Quốc gia	Phường 2	Duy trì trường CQG	2022-2024	234/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	8.000	8.000			6.500	
16	Trường tiểu học Trương Định (Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trường TH Trương Định để duy trì chuẩn quốc gia)	Ninh Sơn	Duy trì trường CQG	2022-2024	164/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8.000	8.000			6.500	
17	Đường Dương Minh Châu, phường 3, thành phố Tây Ninh	Phường 3	850 m BTN	2023-2026	số 50/NQ-HĐND ngày 10/11/2021	121.970	121.970			46.835	
18	Hẻm 01, 02 đường Thuyền	Hiệp Ninh	520m Láng nhựa + Thoát nước	2022-2023	Số 182/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	6.935	6.935			4.500	
19	Hẻm 14 đường Thuyền	Hiệp Ninh	350m Láng nhựa + Thoát nước	2022-2023	Số 180/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	5.740	5.740			4.000	
20	Hẻm 8 đường Huỳnh Công Giản khu phố 1, Phường IV	Phường IV	450m BTXM	2022-2023	số 52/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	3.968	3.968			3.000	
21	Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030 thành phố Tây Ninh	TP Tây Ninh	lập Kế hoạch sử dụng đất 2021- 2030	2021-2023	số 358/QĐ-UBND ngày 06/5/2021	1.965	1.965			1.965	
22	Xây dựng mới Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Ninh Sơn	Ninh Sơn	xây mới	2022-2024		7.000	7.000				Vốn NSTW 2021-2025 là 450 tỷ
23	Xây dựng trụ sở UBND phường 2	Phường 2	xây mới	2022-2024		16.000	16.000				Vốn NSTW 2021-2025 là 250 tỷ

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư			Lũy kế số vốn dự kiến bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh HTMT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tính HTMT nguồn NSTT và XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
24	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND xã Thạnh Tân	Thạnh Tân	sửa chữa	2022-2024	170/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	6.115	6.115				Vốn NSTW 2021-2025 là 350 tỷ
25	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND phường Hiệp Ninh	Hiệp Ninh	sửa chữa	2022-2024	187/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	8.000	8.000				Vốn NSTW 2021-2025 là 300 tỷ

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025**Nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Tỉnh HTMT)		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Ngân sách Thành phố)		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4		6	7	8	9	10	11	13	14
	TỔNG CỘNG				80.793	80.793	44.250		21.240			
1	Sửa chữa 03 Nhà văn hóa ấp và Nhà Văn hóa Dân Tộc xã Tân Bình	Xã Tân Bình	Sửa chữa	222/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	1.650	1.650	908		427		BQLDA ĐTXD TP	Ghi Chú: Nhà văn hóa ấp Tân Lập; Nhà văn hóa ấp Tân Phước; Nhà văn hóa ấp Tân Hòa và Nhà Văn hóa Dân Tộc
2	Xây mới nhà Văn hóa ấp Tân Trung	Xã Tân Bình	Xây mới	237/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	798	798	439		206		BQLDA ĐTXD TP	
3	Cải tạo, sửa chữa 04 Nhà văn hóa ấp và Trung tâm VH TT - HTCD xã Thạnh Tân	Xã Thạnh Tân	Cải tạo, sửa chữa	241/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	2.594	2.594	1.427		671		BQLDA ĐTXD TP	Ghi Chú: Nhà văn hóa ấp Thạnh Đông; Nhà văn hóa ấp Thạnh Hiệp; Nhà Văn Hoá ấp Thạnh Lợi; Nhà Văn Hoá ấp Thạnh Trung và Trung tâm VH TT - HTCD xã Thạnh
4	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hoá dân tộc, xã Thạnh Tân	Xã Thạnh Tân	Cải tạo, sửa chữa	200/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	806	806	443		208		BQLDA ĐTXD TP	
5	Sửa chữa 02 Nhà văn hóa ấp và Trung tâm VH TT & HTCD xã Bình Minh	Xã Bình Minh	Sửa chữa	Số 221/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	1.379	1.379	758		356		BQLDA ĐTXD TP	Ghi Chú: Nhà Văn hóa ấp Giồng Cà; Nhà văn hóa ấp Bàu lùn và Trung tâm VH TT & HTCD xã Bình Minh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Tỉnh HTMT)		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Ngân sách Thành phố)		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP		
6	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở UBND xã Bình Minh	Xã Bình Minh	sửa chữa, nâng cấp	240/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	7.122	7.122	3.763		1.761		BQLDA ĐTXD TP	
7	Đường tổ 4, ấp Giồng Tre	xã Bình Minh	500m láng nhựa	245/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	1.452	1.452	799		375		BQLDA ĐTXD TP	
8	Hèm 82 nối dài, ấp Đồng Cỏ Đỏ, xã Bình Minh (đoạn từ đường số 2 khu tái định cư, nhà ở người nghèo, người có công Thành phố đến rạch Tây Ninh)	Bình Minh	145m láng nhựa	268/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	984	984	550		259		BQLDA ĐTXD TP	
9	Đường hèm 18, ấp Tân Phước	Tân Bình	300m đá dăm	198/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	769	769	423		199		BQLDA ĐTXD TP	
10	Đường số 7, ấp Tân Lập	Tân Bình	850m Láng nhựa	213/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	4.253	4.253	2.339		1.099		BQLDA ĐTXD TP	
11	Đường hèm 14A, ấp Tân Lập	Tân Bình	980m Láng nhựa	197/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	3.211	3.211	1.766		830		BQLDA ĐTXD TP	
12	Hệ thống thoát nước Lộ 12A (Đoạn từ Hèm 115 đến đường ĐT793)	Tân Bình	2600m BTXM, cống thoát nước	238/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	10.830	10.830	6.000		2.755		BQLDA ĐTXD TP	
13	Nâng cấp, cải tạo đường số 649, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	2100m láng nhựa	208/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	11.313	11.313	6.368		2.800		BQLDA ĐTXD TP	
14	Nâng cấp, cải tạo hèm 633-ĐT785, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	630m láng nhựa	204/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	3.422	3.422	1.880		884		BQLDA ĐTXD TP	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Tỉnh HTMT)		Kế hoạch đầu tư vốn NSTP giai đoạn 2021-2025 (Ngân sách Thành phố)		Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP		
15	Nâng cấp, cải tạo đường số 23-ĐT785, ấp Thạnh Đông, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	1370m láng nhựa	203/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	7.418	7.418	3.781		2.153		BQLDA ĐTXD TP	
16	Nâng cấp, cải tạo đường tổ 13-ĐT785, ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	1500m láng nhựa	205/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	6.120	6.120	3.366		2.082		BQLDA ĐTXD TP	
17	Nâng cấp, cải tạo đường tổ 23 đường số 2 - lộ 10, ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Tân, Thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	1650m láng nhựa	209/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	8.934	8.934	4.983		2.162		BQLDA ĐTXD TP	
18	Nâng cấp, cải tạo đường số 5 - lộ 10, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, Thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	420mBTN	210/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	3.270	3.270	1.799		845		BQLDA ĐTXD TP	
19	Nâng cấp, cải tạo đường số 9 - lộ 10, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, Thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	290mBTN	211/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	2.272	2.272	1.250		600		BQLDA ĐTXD TP	
20	Nâng cấp, cải tạo đường số 11- lộ 10, ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, Thành phố Tây Ninh	Xã Thạnh Tân	280m BTN	212/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	2.196	2.196	1.208		568		BQLDA ĐTXD TP	